ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 44 /2023/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4770/TTr-STC ngày 19 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&CN, Tài chính;
- Cục kiểm tra VB QPPL, Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Trung tâm phục vụ HCC (đăng công báo);
- VPUBND: LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Định mức lập dự toán quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số: 44 /2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức lập dự toán quy định tại Quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ

khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh tối đa không quá 28 triệu đồng/người/tháng, cấp cơ sở tối đa không quá 20 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H_{CD})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

b) Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

- Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc: Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ, được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{CN}: Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

- Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc: Hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ, được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{TK}: Thù lao của thư ký khoa học;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

- Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

TL_{NCD}: Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

H_{CD}: Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

Σt_{NCD}: Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

- Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times (\Sigma t_n/22)$$

Trong đó:

TL_{NCD}: Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

H_{CD}: Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

DM_{CN}: Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

Σt_n: Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ($t_n < 22$).

2. Định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi (*đồng*)	
			Nhiệm vụ KH&CN Cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN Cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Buổi	1.400.000	1.000.000
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Buổi	350.000	250.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi (*đồng*)	
			Nhiệm vụ KH&CN Cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN Cấp cơ sở
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo	2.100.000	1.500.000
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Báo cáo	1.050.000	750.000
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Thành viên/buổi	210.000	150.000

3. Dự toán chi họp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy định này.

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh nhưng tối đa không quá 210 triệu đồng/nhiệm vụ; bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 4. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi (*đồng*)	
			Nhiệm vụ KH&CN Cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN Cấp cơ sở
1	**Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ**			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi (*đồng*)	
			Nhiệm vụ KH&CN Cấp tỉnh	**Nhiệm vụ KH&CN Cấp cơ sở**
	Chủ tịch hội đồng		1.050.000	750.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700.000	500.000
	Thư ký khoa học		210.000	150.000
	Thư ký hành chính		210.000	150.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	100.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350.000	250.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		490.000	350.000
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		490.000	350.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		350.000	250.000
2	**Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ**			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.260.000	900.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050.000	750.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi (*đồng*)	
			Nhiệm vụ KH&CN Cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN Cấp cơ sở
	Thư ký khoa học		210.000	150.000
	Thư ký hành chính		210.000	150.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	100.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá/01 hồ sơ		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		490.000	350.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	500.000
3	**Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ**			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch Hội đồng		1.260.000	900.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050.000	750.000
	Thư ký khoa học		210.000	150.000
	Thư ký hành chính		210.000	150.000
	Đại biểu được mời tham dự		140.000	100.000
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		490.000	350.000
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700.000	500.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi (*đồng*)	
			Nhiệm vụ KH&CN Cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN Cấp cơ sở
4	**Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ tuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng**	Chuyên gia	1.050.000	750.000

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức chi (*đồng*)	
			Nhiệm vụ KH&CN Cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN Cấp cơ sở
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700.000	500.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	490.000	350.000
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	210.000	150.000
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	140.000	100.000

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành. Quyết định này quy định một số nội dung cụ thể như sau:

Điều 5. Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

1. Đối với dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán gửi cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tổ chức thẩm định kinh phí và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối với dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở địa phương xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khoa học và công nghệ.

Điều 6. Phân bổ dự toán, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thẩm định và phê duyệt dự toán

a) Thẩm định dự toán: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí. Thành phần Tổ thẩm định gồm có Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên là những cán bộ có chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, các Sở, ngành, đơn vị có liên quan (trường hợp cần thiết) và các chuyên gia tài chính trong lĩnh vực liên quan (nếu có).

b) Phê duyệt dự toán: Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán cho mỗi nhiệm vụ.

2.Phân bổ dự toán

Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền giao, các ngành, địa phương phân bổ dự toán cho các đơn vị trực thuộc quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ.

Điều 7. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.